

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **343/2025/HC-ST**

Ngày: 31/7/2025

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hoàng Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Quế**

Ông **Lê Văn Bình**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đăng An**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Thị Liên** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/7/2025 và 31/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 17/2025/TLST-HC ngày 03/01/2025 về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2025/QĐXXST-HC ngày 06/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2025/QĐ-HPT ngày 21/6/2025, Thông báo 636/TB-HC ngày 15/7/2025 về việc kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng, Thông báo 643/TB-HC ngày 16/7/2025 về việc mở lại phiên tòa; giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà **Đinh Thị M** sinh ngày 23/3/1956, căn cước công dân số 001156004755 cấp ngày 14/4/2021; địa chỉ: Số A ngõ B đường Q, phường Y, (quận H cũ), thành phố Hà Nội; điện thoại 0336957882. (Có mặt)

Người bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

- Ông **Lã Tân T**, sinh năm 1954. (Vắng mặt)
- Bà **Bạch Tuyết H** sinh năm 1965; điện thoại 0974398767. (Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án)

Cùng là luật sư thuộc văn phòng L, địa chỉ: Số B phố H, phường K, (phường N, quận Đ cũ), thành phố Hà Nội; điện thoại 0974398767.

Người bị kiện: **Chủ tịch và Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Hà Nội;** địa chỉ: Số B, phố H, phường H (phường H, quận H cũ), thành phố Hà Nội; kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:

1. Bà **Trần Thị Lương A** - Chủ tịch, là người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt có ủy quyền).
2. Ông **Bùi Huy Q** sinh năm 1980 - Phó Chủ tịch, là người đại diện theo ủy quyền (Vắng mặt có đơn)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường H, thành phố Hà Nội**; địa chỉ: Số A đường L, phường H, thành phố Hà Nội; kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của Trung tâm phát triển quỹ đất quận H.
2. **Công ty TNHH MTV Đ**; địa chỉ: Tầng D, tầng E Tòa nhà N, Khu đô thị X, phường H, thành phố Hà Nội.
3. Ông **Nguyễn Văn C** (tên gọi khác là **Nguyễn Xuân H1**) sinh ngày 10/9/1958, căn cước công dân số 001058033036 cấp ngày 05/8/2022; địa chỉ: Số A ngõ B đường Q, phường Y, (quận H cũ), thành phố Hà Nội. (Vắng mặt có đơn)

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Tạ Vĩnh K** sinh năm 1983, Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường H (Vắng mặt có đơn)
2. Ông **Vũ Mạnh H2**, Chủ tịch, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Đ (Vắng mặt có ủy quyền).
3. Ông **Ngô Thanh S** sinh năm 1976, Phó Tổng giám đốc, là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV Đ (Vắng mặt có đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 06/3/1983, Xưởng được quân khu C1 có Văn bản 80/HC gửi Công ty Đ để mượn khu đất bờ sông L nối tiếp với khu tập thể Ngân hàng thị xã H để làm lán cho bộ đội ở.

Ngày 21/3/1983, Công ty Đ có văn bản đồng ý cho mượn khu đất phía Bắc giáp sông L, phía Nam giáp ao cá Bệnh viện tỉnh H, phía Tây giáp Khu tập thể Ngân hàng, phía Đông giáp khu tập thể Nhà máy cơ khí nông nghiệp; hình thức xây dựng tạm thời; không được cho bất kỳ tập thể hoặc cá nhân nào mượn đất xây dựng hoặc làm việc khác trong khu vực; khi không sử dụng nữa, đơn vị phải bàn giao trả lại Công ty Đ.

Tháng 12/1987, X được Quân khu C1 cấp Giấy chứng nhận cấp đất làm nhà ở số 10 cho bà Đinh Thị M lô đất số 10 khu tập thể gia đình Xưởng được Quân khu C1 thuộc phường Q có diện tích 53m².

Ngày 21/6/1993, Xí nghiệp T1 có Văn bản 109/TB-SN gửi Xưởng được Quân khu 3 với ý kiến: Xưởng được quân khu C1 được Xí nghiệp T1 cho mượn tạm thời khu đất từ năm 1983 nhưng quá trình quản lý và sử dụng đơn vị đã làm trái với thỏa thuận trong Văn bản 80/HC ngày 21/3/1983 như sau: Xây dựng nhà cửa kiên cố và bán kiên cố trên thân đê và lòng sông L; Khi xây dựng không có

thiết kế mặt bằng được Xí nghiệp thông qua và giấy phép của các ngành chức năng mà tự nhiên xây dựng nhà cửa tràn lan không theo chỉ dẫn của Xí nghiệp T1; Tự ý chia đất cho cán bộ chiến sĩ để xây dựng nhà cửa kiên cố trên khu đất tạm mượn. Do đó, yêu cầu Xưởng được quân khu C1 phải tháo dỡ toàn bộ các công trình cũ và mới nằm trên thân đê và mặt đê phía lòng sông L trước ngày 20/7/1993. Văn bản 80/HC ngày 21/3/1983 và các văn bản tiếp theo bị bãi bỏ, không còn giá trị thực hiện kể từ ngày 21/6/1993.

Ngày 20/10/1993, UBND thị xã H có Quyết định 840/QĐ-UB đình chỉ xây dựng và tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép của 11 hộ gia đình CBCNV thuộc Xưởng được quân khu 3 tại bờ máng L, không có hộ bà Đinh Thị M.

Để thực hiện dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía T thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Y), UBND quận H (nay là phường H) đã ban hành **Quyết định 1059/QĐ-UBND** ngày 03/4/2024 về việc thu hồi đất và **Quyết định 1063/QĐ-UBND** ngày 03/4/2024 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình bà Đinh Thị M, ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Xuân H1) có 4 nhân khẩu; bị thu hồi toàn bộ diện tích 70,4m² đất đang sử dụng tại tập thể được Quân khu C, phường Q là đất lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi kênh La Khê nên không được bồi thường theo Điều 82 Luật đất đai 2013, cụ thể: 53m² là đất hành lang bảo vệ công trình thủy lợi kênh La Khê do Công ty Đ cho C1 3 mượn đất làm lán cho bộ đội ở nhưng X cấp cho bà Đinh Thị M làm nhà ở năm 1987; 1,8m² lấn chiếm từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004; 15,6m² lấn chiếm từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; Công trình xây dựng trên đất lấn chiếm trước ngày 15/10/1993 được hỗ trợ 80% đơn giá, công trình xây dựng trên đất lấn chiếm từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 được hỗ trợ 10% đơn giá theo Khoản 2 Điều 14 Quyết định 10/2017; Hỗ trợ ổn định đời sống cho 04 nhân khẩu trong 06 tháng theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Quyết định 10/2017; thưởng tiến độ. Tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 173.193.998đ.

Về tái định cư, Quyết định 1063/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 xác định: Bà Đinh Thị M có hộ khẩu tại phường Q, ông Nguyễn Văn C có hộ khẩu tại xã X, huyện P; phải di chuyển chỗ ở và không còn nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn phường. Ngày 29/11/2022, UBND xã X có Văn bản 75/UBND xác nhận ông Nguyễn Văn C không có nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn thôn X, xã X, huyện P. Ngày 28/8/2023, Hội đồng bồi thường đã tổ chức bốc thăm căn hộ 609 nhà N06 diện tích 55,81m² do gia đình bà M được mua căn hộ tái định cư theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Khoản 2 Điều 27 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố. Ngày 06/10/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất có Văn bản 316/PTQĐ đề nghị UBND xã X xác nhận ông Nguyễn Văn C có nhà đất ở thời điểm trước khi có Thông báo thu hồi đất ngày 19/11/2018 không nhưng chưa nhận được văn bản phúc đáp. Ngày 27/12/2023, Hội đồng bồi thường căn cứ Khoản 2 Điều 79 Luật đất đai 2013, Khoản 4 Điều 6, Khoản 5 Điều 7 Nghị định 47/2014/NĐ-CP, Điều 27 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND xác định hộ gia đình bà M chưa đủ cơ sở để

xem xét mua nhà tái định cư. Trường hợp UBND xã X có văn bản phúc đáp, Hội đồng bồi thường sẽ tổng hợp, thẩm định theo quy định.

Ngày 26/4/2024, UBND phường X có Văn bản 33/UBND xác nhận từ năm 2005 đến ngày 31/12/2023, ông Nguyễn Văn C không có nhà ở, đất ở trên địa bàn thôn X, xã X, huyện P.

Không đồng ý với quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, bà Đinh Thị M khiếu nại. Chủ tịch UBND quận H đã thụ lý, xác minh, đối thoại trong khoảng thời gian từ ngày 03/5/2024 đến ngày 06/8/2024 nhưng chưa ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

Ngày 22/8/2024, bà Đinh Thị M có Đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 1059/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của UBND quận H về việc thu hồi đất; Hủy Quyết định 1063/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Buộc chấm dứt hành vi hành chính có liên quan và bồi thường thiệt hại, xin lỗi công khai.

Ngày 06/12/2024, Sở T2 có Văn bản 9903/STNMT-QHKHSDD giải quyết vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa và được UBND thành phố H chấp thuận tại Văn bản 297/UBND-TNMT ngày 25/01/2025, cụ thể: Căn cứ Khoản 2 Điều 108 Luật Đất đai năm 2024, để tháo gỡ vướng mắc trong việc áp dụng chính sách khi thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án, trên cơ sở ý kiến của UBND quận H tại Văn bản 475/BC-UBND ngày 14/8/2024, UBND Thành phố cho phép bổ sung chính sách đối với các trường hợp người đang sử dụng đất có nguồn gốc là đất các cơ quan, đơn vị tự ý phân phối, bố trí, đất lấn, chiếm (đều có nguồn gốc là đất hành lang kênh) đã xây dựng nhà ở hoặc kinh doanh ổn định thì được hỗ trợ bằng 30% (đối với trường hợp chuyển đổi trước ngày 15/10/1993) và 20% (đối với trường hợp chuyển đổi từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004) đơn giá đất ở hoặc đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp cùng vị trí theo đơn giá tại Quyết định 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND Thành phố cho diện tích đất thực tế có xây dựng công trình bị thu hồi nhưng không quá 90m²/chủ sử dụng đất theo Văn bản 1686/UBND-TNMT ngày 05/6/2023 của UBND Thành phố.

Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận H nay là **phường H, Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường H, Công ty TNHH MTV Đ** giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng không có quan điểm, ý kiến.

Tại phiên tòa: Bà Đinh Thị M thay đổi yêu cầu là hủy một phần Quyết định 1063/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; buộc UBND phường H phê duyệt phương án bồi thường về đất ở, bồi thường công trình trên đất với tỷ lệ 100% đơn giá, hỗ trợ tái định cư cho gia đình bà Đinh Thị M; rút các yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định 1059/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của UBND quận H về việc thu hồi đất; yêu cầu chấm dứt hành vi hành chính có liên quan và bồi thường thiệt hại, xin lỗi công khai.

Bà Đinh Thị M và luật sư đưa ra quan điểm: Bà M có quyết định phân đất của X được từ năm 1987, sử dụng ổn định không có văn bản xử lý vi phạm hành chính. Hành lang kênh L đến năm 1995 mới được phê duyệt nên gia đình bà không phải lấn chiếm đất hành lang kênh L. Đất gia đình bà M bị thu hồi là đất giao không đúng thẩm quyền nên đủ điều kiện bồi thường về đất. Bà M và chồng bà M không có nhà ở, đất ở nào khác trong và ngoài phường Q nên đủ điều kiện được tái định cư như đã bốc thăm trước đó. Yêu cầu UBND phường H phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường về đất, hỗ trợ tài sản trên đất với tỷ lệ 100% đơn giá, được bố trí 01 suất tái định cư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị M; hủy 01 phần Quyết định 1063/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; buộc UBND phường H ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án hỗ trợ về đất và tái định cư theo Văn bản 297/UBND-TNMT ngày 25/01/2025 và Điều 27 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND của UBND thành phố H. Đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện mà bà Đinh Thị M đã rút. UBND phường H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn khởi kiện ngày 22/8/2024 của bà Đinh Thị M là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[1.2] *Chủ tịch và UBND quận H, Ban quản lý dự án quận H, UBND phường Y* (sau là phường Q) kết thúc hoạt động kể từ ngày 01/7/2025 và phường Q thành phường mới là phường H, thành phố Hà Nội theo quy định của Khoản 43 Điều 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Khoản 3 Điều 51 Luật tổ chức chính quyền địa phương ban hành ngày 16/6/2025.

Chủ tịch và UBND phường H, thành phố Hà Nội kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng hành chính với tư cách là Người bị kiện, thực hiện thẩm quyền trong lĩnh vực đất đai của Chủ tịch và UBND quận H, thành phố Hà Nội; *Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường H* kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng hành chính của Ban quản lý dự án quận H với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 59 Luật tố tụng hành chính 2015; Điều 8 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 5 Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, Quyết định 3536/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND thành

phố H.

[2] Quyết định 1059/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 của UBND quận H về việc thu hồi 70,4m² đất do hộ gia đình bà Đinh Thị M sử dụng tại địa chỉ số A tổ dân phố G tập thể được Quân khu C, phường Q để thực hiện dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía T thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Y) là đúng quy định của pháp luật và người khởi kiện cũng đã rút yêu cầu khởi kiện đối với quyết định này nên Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện đối với quyết định này.

[3] Xét Quyết định 1063/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 của UBND quận H về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết:

[3.1] Theo quy định tại Khoản đ Điều 18 Nghị định 141-CP ngày 26/9/1963 của Hội đồng Chính phủ về việc ban hành điều lệ quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy nông, để bảo vệ công trình thủy nông cấm xây dựng nhà cửa, kho tàng, lầy đất, đào ao, đào giếng, trồng cây có rễ dài trong phạm vi 30m cách chân các kênh nổi và 10m cách chân các kênh chìm. Việc trồng trọt các loại cây khác thích hợp với việc bảo vệ kênh mương, trong phạm vi an toàn nói trên phải được Ban quản trị nông giang cho phép.

Các văn bản pháp luật khác như Nghị định 173-CP ngày 21/11/1963 của Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ bảo vệ đê điều, Thông tư 31-TL ngày 08/10/1963 và Thông tư 28-TL-ĐĐ ngày 29/9/1964 của Bộ T3, Pháp lệnh đê điều 1989, Nghị định 429-HĐBT ngày 15/12/1990 của Hội đồng bộ trưởng đều không có quy định về việc cấm mọc chỉ giới phạm vi bảo vệ mà chỉ có quy định Ủy ban hành chính cấp tỉnh nghiên cứu ban hành, công bố thể lệ thực hiện điều lệ bảo vệ đê điều và đặt những bản niêm yết nội quy bảo vệ các công trình. Nên tại Văn bản 591-TB/TL ngày 10/5/1994, Sở T4 (nay là Sở T2) đã thông báo tạm thời hành lang bảo vệ hai bờ sông N, sông L đoạn qua thị xã H, những công trình thuộc hành lang bảo vệ đã có trước ngày thông báo thì phải tháo dỡ và di chuyển đi nơi khác trả lại mặt bằng cho hành lang bảo vệ công trình.

Khi *Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi năm 1994* được ban hành, tại Điều 10 *Nghị định 98-CP ngày 27/12/1995* của Chính phủ mới có quy định việc cấm mọc chỉ giới nên Quyết định 225-QĐ/UB ngày 19/5/1995 của UBND tỉnh H (nay là thành phố Hà Nội) mới quy định tổ chức cấm mọc giới và công bố công khai chỉ giới hành lang bảo vệ bờ Sông N và bờ kênh L.

Như vậy từ trước ngày 19/5/1995 (ngày UBND tỉnh H ban hành Quyết định 225-QĐ/UB), hành lang bảo vệ các công trình thủy lợi trong đó có bờ kênh L đã được công bố từ năm 1963 nhưng đến Quyết định 225-QĐ/UB ngày 19/5/1995 của UBND tỉnh H mới cấm mọc giới chứ không phải đến khi có Quyết định 225-QĐ/UB ngày 19/5/1995 thì mới có quy định về hành lang bảo vệ công trình thủy lợi.

[3.2] Khu đất bờ sông L nối tiếp với khu tập thể Ngân hàng thị xã H mà Xưởng được quân khu C1 mượn của Công ty Đ tại Văn bản 80/HC ngày 06/3/1983 là để làm lán cho bộ đội ở, được Công ty Đ đồng ý với vị trí phải

cách mặt đê 4m tính từ mép sông L, với điều kiện xây dựng tạm thời và trước khi xây dựng phải thông qua và bố trí mặt bằng với Công ty Đ.

Tuy nhiên, việc tháng 12/1987, X được Quân khu 3 cấp Giấy chứng nhận cấp đất làm nhà ở số 10 cho bà Đinh Thị M được sử dụng 53m² lô đất số 10 trong khu tập thể để xây dựng nhà ở mà không kèm điều kiện là chỉ được làm lán tạm, không được làm nhà, không được xây dựng những công trình có tường kiên cố và phải trả lại đất cho Công ty Đ khi có yêu cầu, là vi phạm thỏa thuận mượn đất với Công ty Đ tại Văn bản 80/HC ngày 06/3/1983 và vi phạm pháp luật về bảo vệ đê điều.

Như vậy xác định, diện tích 53m² đất bà Đinh Thị M được Xưởng được Quân khu 3 cấp tại Giấy chứng nhận cấp đất làm nhà ở số 10 tháng 12/1987 là đất hành lang bảo vệ kênh L thuộc quyền quản lý, sử dụng của Xí nghiệp T1 nay là Công ty TNHH MTV Đ đã cho Xưởng được Quân khu C1 mượn tạm tại Văn bản 80/HC ngày 06/3/1983 và đã được Văn bản 1526/CTSN-QLN.CT ngày 04/9/2014 của Công ty TNHH MTV Đ xác định toàn bộ tập thể Xưởng được nằm trong mốc giới bảo vệ kênh L theo Quyết định 225/QĐ-UB ngày 19/5/1995 của UBND tỉnh H.

[3.3] Từ năm 1988, bà Đinh Thị M đã làm nhà và ở trên diện tích 53m² đất được cấp thể hiện tại Danh sách các gia đình quân nhân có xác nhận tháng 5/1993 của X được, xác nhận ngày 30/6/1993 của Quân khu C1; trên Giấy khai sinh của 02 con sinh năm 1989 và 1992 của bà Đinh Thị M có nơi thường trú là X1 được Quân khu C1.

Tại Văn bản 109/TB-SN ngày 21/6/1993, Xí nghiệp T1 đã chấm dứt hiệu lực của Văn bản 80/HC ngày 06/3/1983, yêu cầu Xưởng được Quân khu C1 phải tự tháo dỡ toàn bộ các công trình nhà cửa đã xây dựng cũ, mới nằm trên thân đê và mặt đê phía lòng sông La Khê xong trước ngày 20/7/1993.

Tuy nhiên, Xưởng được Quân khu C1 và các hộ dân không chấp hành mà còn tiếp tục hoàn thiện 05 ngôi nhà mới xây dựng trái phép tháng 5/1993 nên Xí nghiệp T1 có Văn bản 120/CV-SN ngày 20/7/1993 đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý. Tại Quyết định 840/QĐ-UB ngày 20/10/1993, UBND thị xã H đã đình chỉ việc san lấp, xây dựng và yêu cầu tự tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép của 11 hộ gia đình Xưởng được Quân khu C1, nhưng trong danh sách kèm theo không có tên bà Đinh Thị M.

Tại Thông báo 192 TB/SN ngày 20/6/1995 của Xí nghiệp T1 về nội dung hội nghị có sự tham gia của đại diện Xưởng được và đại diện Bộ chỉ huy quân sự tỉnh H đã thống nhất: Khu tập thể X trước đây nay là Đội sản xuất thuộc Quân khu C1 nằm tại bờ tả kênh L thuộc phường Q (có 01 số hộ đã làm nhà, 1 số hộ chưa làm nhà nhưng không thu thập được danh sách) là hoàn toàn trái với quy định của cơ quan chuyên môn (Xí nghiệp T1), vi phạm Điều 28 Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và Quyết định 225-QĐ/UB ngày 19/5/1995 của UBND tỉnh H nên không thể tồn tại các nhà, hộ gia đình ở đây, đơn vị phải cho di chuyển ra khỏi hành lang bảo vệ sông L theo quy định của Quyết định 225.

Như vậy, Quyết định 1063/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 xác định 53m² có nguồn gốc đất hành lang bảo vệ công trình thủy lợi kênh La Khê do Công ty Đ cho Xưởng được Quân khu C1 mượn làm lán, sau đó X được cấp cho bà Đinh Thị M làm nhà ở trước ngày 15/10/1993 nên không được bồi thường về đất là đúng quy định tại Khoản 2 Điều 82 Luật đất đai 2013; Khoản 1 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

[3.4] Việc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận H xác nhận tại Giấy xác nhận đăng ký đất đai 114/GXN-VPĐKĐĐ-Quang Trung ngày 19/6/2017 về thời điểm lần chiếm trước và sau năm 1998 là không phù hợp quy định của Luật đất đai năm 2013 về trước hay sau các thời điểm là ngày 15/10/1993 (ngày Luật đất đai 1993 có hiệu lực), ngày 01/7/2004 (ngày Luật đất đai 2003 có hiệu lực) và ngày 01/7/2014 (ngày Luật đất đai 2013 có hiệu lực).

Mặt khác, theo tuổi của ông Nguyễn Xuân H1 tại các giấy khai sinh năm 1989 và năm 1992 của 02 con thì ông Nguyễn Xuân H1 sinh năm 1954 nhưng trong Giấy xác nhận đăng ký đất đai 114/GXN-VPĐKĐĐ-Quang Trung ngày 19/6/2017 thì ông Nguyễn Xuân H1 sinh năm 1956 và không có chứng minh nhân dân. Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký tạm trú dài hạn ngày 11/5/1993, Sổ hộ khẩu ngày 08/9/2014 của bà M xác định ông Nguyễn Xuân H1 không có hộ khẩu thường trú tại Tập thể được Quân khu C nhưng Giấy xác nhận đăng ký đất đai 114/GXN-VPĐKĐĐ-Quang Trung ngày 19/6/2017 lại thể hiện ông Nguyễn Xuân H1 có hộ khẩu thường trú tại đây là không đúng.

Quyết định 1063/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 căn cứ vào bản đồ và sổ mục kê năm 1998 hoàn thiện năm 2001 thể hiện diện tích 54,8m² đất ở đứng tên bà Đinh Thị M nằm trong thửa 25 tờ bản đồ số 7 để xác định: 53m² lần chiếm trước ngày 15/10/1993; 1,8m² lần chiếm từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 và 15,6m² lần chiếm từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 là đúng.

[3.5] Xưởng được không có thẩm quyền cấp 53m² đất mượn của Xí nghiệp T1 cho bà M để xây dựng nhà ở. Mặc dù bà Đinh Thị M sử dụng đất làm nhà ở được Xưởng được cấp trước ngày 15/10/1993 nhưng vi phạm hành lang bảo vệ sông/kênh/máng L, vi phạm pháp luật về đất đai, không có biên bản xử lý, ngăn chặn của cơ quan có thẩm quyền đối với gia đình/cá nhân bà Đinh Thị M nhưng có văn bản ngăn chặn đối với X được thể hiện tại Biên lai nhận tiền số 12351 ngày 13/7/1988 do đại diện Xưởng được nộp tiền phạt do xây dựng trái phép bị xử lý theo Quyết định số 74 ngày 08/7/1988; tại các văn bản của Xí nghiệp T1 số 109/TB-SN ngày 21/6/1993, số 120/CV-SN ngày 20/7/1993, số 99 CV/SN ngày 11/4/1995, Thông báo số 192 TB/SN ngày 20/6/1995; Quyết định 840/QĐ-UB ngày 20/10/1993 của UBND thị xã H về việc đình chỉ xây dựng và tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép của các hộ gia đình CBCNV thuộc Xưởng được Quân khu 3 tại bờ máng La Khê; Văn bản 748 VP/QP ngày 28/4/1995 của Bộ Q1; Văn bản số 231 CV/CT ngày 18/8/1999 và số 128 CV/CT ngày 24/5/2000 của Công ty Đ nên không được bồi thường về đất theo quy định của Khoản 1 Điều 74, Khoản 1 Điều 75, Khoản 2 Điều 82, Điều 100, Điều 101

Luật đất đai 2013.

Quyết định 1063/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 phê duyệt phương án không bồi thường về đất cho bà Đinh Thị M đối với toàn bộ diện tích 70,4m² lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi kênh L là đúng.

[3.6] Theo quy định tại Khoản 7 Điều 7 Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2010, việc nộp thuế không phải là căn cứ để công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của người nộp thuế đối với diện tích đất lấn, chiếm. Do đó, các biên lai nộp thuế nhà đất từ năm 1995 của bà Đinh Thị M tại tập thể được Quận 3 không phải căn cứ để công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Đinh Thị M.

[3.7] Theo quy định tại Điều 92 Luật Đất đai 2013, Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, Điều 14 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H, đối với công trình xây dựng không hợp pháp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai và cắm mốc giới nhưng được UBND cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền thì được hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường theo quy định tại đối với công trình xây dựng trước 15/10/1993; hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường theo quy định đối với công trình xây dựng từ 15/10/1993 đến trước 01/7/2004; hỗ trợ bằng 10% mức bồi thường theo quy định đối với công trình xây dựng được tạo lập trước ngày 01/7/2014; công trình được tạo lập kể từ ngày 01/7/2014 không được hỗ trợ.

Quyết định 1063/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 phê duyệt phương án hỗ trợ 80% đơn giá đối với các công trình xây dựng trước ngày 15/10/1993 và 10% đơn giá đối với các công trình xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 là đúng quy định của pháp luật.

[3.8] Theo quy định tại Khoản 2 Điều 79 Luật đất đai 2013; Khoản 4 Điều 6, Khoản 5 Điều 7 Nghị định 47/2014/NĐ-CP Chính phủ, Khoản 1 Điều 27 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở mà phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, chỉ được hỗ trợ tỷ lệ % giá đất, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì được mua căn hộ tái định cư hoặc giao đất tái định cư.

Pháp luật không có quy định, hướng dẫn cụ thể về thời điểm không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở mà phải di chuyển chỗ ở là thời điểm có thông báo thu hồi đất hay có quyết định thu hồi đất. Thông báo thu hồi đất số 1165/TB-UBND đối với hộ bà Đinh Thị M được ban hành ngày 19/11/2018 nhưng sau đó UBND quận H ban hành Thông báo 96/TB-UBND ngày 10/3/2022 điều chỉnh địa chỉ thu hồi đất tại Thông báo 1165/TB-UBND. UBND xã X có Văn bản 75/UBND ngày 29/11/2022 xác nhận tại thời điểm ngày 28/11/2022, ông Nguyễn Văn C không có nhà ở, đất ở trên

địa bàn thôn X, xã X, huyện P.

Như vậy là đã có căn cứ để xác định tại thời điểm có Thông báo 96/TB-UBND ngày 10/3/2022 điều chỉnh địa chỉ thu hồi đất tại Thông báo thu hồi đất 1165/TB-UBND ngày 19/11/2018, trước thời điểm ban hành Quyết định thu hồi đất số 1059/QĐ-UBND ngày 03/4/2024, hộ gia đình bà Đinh Thị M1 phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, không có nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn phường Q và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Nguyễn Văn C tại xã X, huyện P nên đủ điều kiện được tái định cư.

UBND quận H đã tổ chức bốc thăm căn hộ tái định cư cho hộ bà Đinh Thị M nhưng sau đó lại cho rằng phải có xác nhận của UBND xã X về việc ông Nguyễn Văn C không có nhà ở, đất ở nào khác phải trước thời điểm có Thông báo thu hồi đất 1165/TB-UBND ngày 19/11/2018 thì mới đủ điều kiện được tái định cư là không có căn cứ.

Do đó, Quyết định 1063/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 chưa phê duyệt phương án tái định cư cho hộ bà Đinh Thị M để chờ văn bản xác nhận lại/xác nhận bổ sung của UBND xã X là không đúng.

Nay, UBND xã X cũng đã có Văn bản 33/UBND ngày 22/4/2024, Văn bản 150/UBND ngày 13/12/2024 xác nhận từ năm 2005 đến ngày 03/4/2024, ông Nguyễn Văn C không có nhà ở, đất ở trên địa bàn thôn X, xã X.

Do đó, Chủ tịch UBND phường H căn ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án hỗ trợ tái định cư cho hộ gia đình bà M theo kết quả đã tổ chức bốc thăm căn hộ 609 nhà N06 diện tích 55,81m².

[3.9] Theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 83 Luật đất đai 2013, Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi.

[3.9.1] Khoản 1 Điều 24 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H quy định, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ thêm để ổn định đời sống bằng tiền cho các nhân khẩu thực tế đang ăn ở tại nơi thu hồi đất. Thời gian hỗ trợ là 06 tháng đối với trường hợp bị phá dỡ toàn bộ nhà ở. Mức hỗ trợ bằng tiền cho một nhân khẩu/tháng tương đương 30 kg gạo theo giá do Sở T5 công bố hàng năm.

Quyết định 1063/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 phê duyệt phương án hỗ trợ ổn định đời sống = 16.000đ x 30kg gạo x 6 tháng x 04 nhân khẩu = 11.520.000đ là đúng.

[3.9.2] Khoản 2 Điều 24 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H quy định, chủ sử dụng nhà ở, đất ở bị thu hồi được tiêu chuẩn tái định cư nhưng chủ đầu tư chưa kịp bố trí vào khu tái định cư theo quy định hoặc vào quỹ nhà tạm cư trung chuyển của Thành phố, nếu tự nguyện bàn giao mặt bằng đúng tiến độ và tự lo tạm cư thì được hỗ trợ tiền thuê nhà tạm cư 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/nhân khẩu thực tế ăn ở tại nơi thu hồi đất/tháng

nhưng mức hỗ trợ không quá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/chủ sử dụng nhà ở, đất ở/tháng. Thời gian hỗ trợ tính từ khi bàn giao mặt bằng đến khi có thông báo nhận nhà tái định cư (trường hợp được mua nhà tái định cư). Trường hợp đủ điều kiện được bố trí tái định cư mà tự nguyện bàn giao mặt bằng và tự lo nơi ở tạm cư thì còn được bổ sung hỗ trợ di chuyển chỗ ở tạm 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/chủ sử dụng nhà ở, đất ở.

Quyết định 1063/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 không phê duyệt phương án hỗ trợ thuê nhà, địa điểm tạm cư cho hộ bà Đình Thị M1 với lý do không đủ điều kiện bồi thường về đất, không được hỗ trợ khoản này là không đúng.

Chủ tịch UBND phường H cần phê duyệt bổ sung hỗ trợ thuê nhà, địa điểm tạm cư cho hộ bà Đình Thị M1 theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

[3.9.3] Theo quy định tại Điều 91 Luật đất đai 2013, Khoản 5 Điều 10 Nghị định 47/2014/NĐ-CP, Khoản 1 Điều 15 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở nằm trong hành lang an toàn khi xây dựng công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn phải di chuyển chỗ ở thì được bồi thường chi phí di chuyển là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/chủ sử dụng nhà ở, đất ở đối với trường hợp di chuyển chỗ ở trong phạm vi Thành phố.

Quyết định 1063/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 không phê duyệt phương án bồi thường chi phí di chuyển tài sản cho hộ bà Đình Thị M1 với lý do không đủ điều kiện bồi thường về đất, không được hỗ trợ khoản này là không đúng. Chủ tịch UBND phường H cần phê duyệt bổ sung chi phí di chuyển tài sản cho hộ bà Đình Thị M1 theo quy định của Điều 91 Luật đất đai 2013, Khoản 1 Điều 15 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

[3.9.4] Theo Khoản 5 Điều 24 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H quy định, trong các trường hợp cụ thể, căn cứ tình hình thực tế, UBND Thành phố sẽ xem xét, quyết định biện pháp hỗ trợ khác để đảm bảo có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất hồi đất.

Sau khi UBND quận H ban hành Quyết định 1063/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà Đình Thị M thì UBND thành phố H mới có Văn bản 297/UBND-TNMT ngày 25/01/2025 chấp thuận Văn bản 9903/STNMT-QHKHSĐĐ ngày 06/12/2024 của Sở T2 cho phép bổ sung hỗ trợ đối với các trường hợp đang sử dụng đất có nguồn gốc là đất các cơ quan, đơn vụ tự ý phân phố, bố trí, đất lấn, chiếm đều có nguồn gốc là đất hành lang kênh bằng 30% (đối với trường hợp chuyển đổi trước ngày 15/10/1993) và bằng 20% (đối với trường hợp chuyển đổi sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004) đơn giá đất ở hoặc đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp cùng vị trí theo đơn giá tại Quyết định 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố cho diện tích đất thực tế có xây dựng công trình bị thu hồi nhưng không quá 90m²/chủ sử dụng đất theo mục 3 Văn bản 1686/UBND-TNMT ngày 05/6/2023 của UBND thành phố.

Như vậy, Chủ tịch UBND phường H cần phê duyệt bổ sung hỗ trợ về đất cho hộ bà Đinh Thị M theo quy định tại Văn bản 9903/STNMT-QHKHSDĐ ngày 06/12/2024 của UBND thành phố H.

[4] Bà Đinh Thị M rút các yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định 1059/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của UBND quận H về việc thu hồi đất; yêu cầu chấm dứt hành vi hành chính có liên quan và bồi thường thiệt hại, xin lỗi công khai nên Tòa án đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện này của bà Đinh Thị M.

[5] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, có đủ căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị M1; hủy phần hỗ trợ về đất, hỗ trợ thuê nhà địa điểm tạm cư, chi phí di chuyển tài sản và tái định cư tại Quyết định 1063/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 của UBND quận H. UBND phường H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 106/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật đất đai năm 2013; Nghị định 141-CP ngày 26/9/1963 của Hội đồng Chính phủ; Nghị định 47/2014/NĐ-CP15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

Xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị M.

[1.1] Hủy phần hỗ trợ về đất, hỗ trợ thuê nhà địa điểm tạm cư, chi phí di chuyển tài sản và tái định cư tại Quyết định 1063/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 5.2) đối với hộ gia đình ông (bà) Đinh Thị M - Nguyễn Văn C có diện tích đất nằm trong quy hoạch dự án: Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía T thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Y), phường Q, quận H.

[1.2] Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Hà Nội ban hành quyết định phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung hỗ trợ về đất, hỗ trợ thuê nhà địa điểm tạm cư, chi phí di chuyển tài sản và tái định cư đối với hộ gia đình ông (bà) Đinh Thị M - Nguyễn Văn C để thực hiện dự án Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Trạm bơm tiêu Y) theo nhận định của bản án và theo quy định của pháp luật.

[2] Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị M về việc yêu cầu hủy phần bồi thường về đất, bồi thường, hỗ trợ đối với công trình xây dựng trên đất tại Quyết định 1063/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

[3] Đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị M đối với Quyết định 1059/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của UBND quận H về việc thu hồi

đất; yêu cầu chấm dứt hành vi hành chính có liên quan và bồi thường thiệt hại, xin lỗi công khai.

[4] Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Hà Nội phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

[5] Đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự hoặc người

đại diện hợp pháp của đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu Tòa án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hoàng Phúc

